

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm Polyaluminium chloride (PAC) bột		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS:1327-41-9 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Polyaluminium chloride		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Polyaluminium chloride			
- Tên khác (không là tên khoa học): PAC, Chlorohydrate nhôm; Polyaluminium Hydroxychloride, Nhôm Chloride Hydroxide			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH hóa chất ÔXY Địa chỉ: 57 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 11, Quận 5, Tp.HCM Điện thoại: 08. 3859 4414	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng, ví dụ: hóa chất xử lý nước			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Polyaluminium chloride	1327-41-9	$[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]_m$	30%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
Thành phần 5 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt đỏ và sưng
- Đường thở: kích thích niêm mạc,
- Đường da: có thể kích thích
- Đường tiêu hóa: Kích thích của miệng và dạ dày
- Đường tiết sữa: Chưa có thông tin.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng nâng trên và dưới nắp đậy, cho đến khi không có bằng chứng của hóa chất vẫn còn. Có được sự chăm sóc y tế nếu kích ứng vẫn tồn tại

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Hủy bỏ quần áo, đồ trang sức và giày bị ô nhiễm. Ngay lập tức rửa da bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa nhẹ và nước cho ít nhất 15 phút, cho đến khi không có bằng chứng của hóa chất vẫn còn.

Đối với trẻ vị thành niên tiếp xúc với da, tránh lây lan vật liệu trên da không bị ảnh hưởng. Có được sự chăm sóc y tế nếu kích thích vẫn còn tồn tại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Nếu các triệu chứng có kinh nghiệm, di chuyển nạn nhân để không khí trong lành. Hô hấp nhân tạo ONLY nếu hơi thở đã ngừng. Có được sự chăm sóc y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Nếu nuốt phải, không gây ói mửa. Cung cấp cho một lượng lớn nước. Không bao giờ cung cấp cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân bất tỉnh. Nới lỏng quần áo chặt chẽ như một cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc

dây thắt lưng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Antidote: Không có thuốc giải độc cụ thể cho chlorohydrate nhôm.

Điều trị tiếp xúc quá nhiều nên được hướng vào sự kiểm soát của các triệu chứng và tình trạng lâm sàng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không dễ cháy.

<p>2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Hydro clorua, nhôm oxit</p> <p>3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): Không áp dụng.</p> <p>4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: phun nước, sương mù hoặc bọt thường xuyên phù hợp với vật liệu xung quanh. Mát mẻ bất kỳ container tiếp xúc với nước.</p> <p>5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Cứu hỏa phải mang thiết bị bảo hộ và dụng cụ thở khép kín với đầy đủ mặt phân hoạt động trong chế độ áp lực tích cực. Di chuyển container tiếp xúc từ khu vực bị cháy nếu nó có thể được thực hiện không có rủi ro. Sử dụng nước để giữ cho lửa tiếp xúc với container lạnh</p> <p>6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)</p>	
<p>VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</p>	
<p>1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ</p> <p>2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng</p>	
<p>VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ</p>	
<p>1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)</p> <p>2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)</p>	
<p>VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</p>	
<p>1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc ...)</p> <p>2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ mắt: Mang kính giạt gân kháng hóa chất và / hoặc một lá chắn mặt đầy đủ nơi bắn tung tóe là có thể. Duy trì đài phun nước rửa mắt và nhanh chóng ngâm nước cơ sở trong khu vực làm việc - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo vệ không thấm nước, kể cả giày, găng tay, áo khoác phòng thí nghiệm, tạp dề hoặc yếm, thích hợp, để ngăn chặn tiếp xúc với da - Bảo vệ tay: Đeo các trang thiết bị bảo hộ như găng tay cao su. - Bảo vệ chân: Đi ủng cao su và các trang thiết bị khác để bảo vệ. <p>3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Neoprene hoặc cao su</p> <p>4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Xả dội nhiều nước để làm sạch.</p>	
<p>IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</p>	
Trạng thái vật lý: Tinh bột	Điểm sôi (°C)
Màu sắc: Vàng đến nâu bột.	Điểm nóng chảy (°C)
Mùi đặc trưng: Chéch clo mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định

Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C)
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước: 100% hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ Ph: 3,5-5,0	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m ³): 133.5 -174,5	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở nhiệt độ và áp suất bình thường

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: nhiệt phân hủy axit hydrochloric, oxit nhôm
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Cần cứu (kiềm vật liệu) như amoniac và các giải pháp, cacbonat, natri hydroxide (ăn da), và hydroxit kali. Ăn mòn để phổ biến các kim loại như nhôm, thép không gỉ và thép, niken, đồng, và đồng thau
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): Không có dữ liệu.
- Phản ứng trùng hợp: Không xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép...	mg/m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1			

Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số U N	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng		Polyaluminium chloride		Bể Ô tô Bể Xe tải Containers Tote thùng Túi Xách		

hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
<p>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)</p> <p>2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký</p> <p>3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ</p>						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/04/2012						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH hóa chất công nghiệp Việt Hoa						
<p>Lưu ý người đọc:</p> <p>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</p> <p>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc</p>						